

Bản án số: 403/2022/DS-PT

Ngày: 31-08-2022

*“V/v Tranh chấp chia thừa kế
quyền sử dụng đất”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Võ Trinh;

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Thanh Mỹ;

Bà Nguyễn Thị Vĩnh;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Phan Trung Quốc - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 31-08-2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2022/TLPT-DS ngày 22 tháng 06 năm 2022 về “V/v tranh chấp chia thừa kế QSDĐ”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 27/2022/DS-ST ngày 29 tháng 03 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 281/2021/QĐ-PT ngày 08 tháng 8 năm 2022, quyết định hoãn phiên tòa số 388/2022/QĐ-PT ngày 18/7/2022, giữa:

- Nguyên đơn:

1. Bà Phạm Thị H, sinh năm 1961.

2. Bà Phạm Thị H1, sinh năm 1963. (Phạm Thị H2)

3. Bà Phạm Thị H3, sinh năm 1964.

4. Bà Phạm Thị P, sinh năm 1964.

5. Bà Phạm Thị T, sinh năm 1971.

6. Anh Phạm Thanh H4, sinh năm 1982.

Cùng cư trú: ấp 2, xã T 1, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

7. Bà Phạm Thị B, sinh năm 1955.

8. Bà Phạm Thị N, sinh năm 1969.

Cùng cư trú: ấp T2, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang.

9. Chị Phạm Thị C, sinh năm 1981.

Địa chỉ cư trú: ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn bà Phạm Thị H1, bà Phạm Thị H3, bà Phạm Thị T, anh Phạm Thanh H4, bà Phạm Thị B, bà Phạm Thị N, chị Phạm Thị C là Bà Phạm Thị H, địa chỉ cư trú: ấp 2, xã T 1, huyện H, tỉnh Đồng Tháp;

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn C1, sinh năm 1958. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp 2, xã T 1, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trương Thị V, sinh năm 1960.

2. Anh Phạm Thanh S, sinh năm 1991.

3. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1992.

Cùng cư trú: ấp 2, xã T 1, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của của bà Trương Thị V, anh Phạm Thanh S, chị Nguyễn Thị L là ông Phạm Văn C1;

- *Người kháng cáo:* Bà Phạm Thị H; Phạm Thị H1; Phạm Thị H3; Phạm Thị P; Phạm Thị T; Phạm Thanh H4; Phạm Thị B; Phạm Thị N, Phạm Thị C là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Theo nội dung đơn khởi kiện của các nguyên đơn, lời trình bày của bà Phạm Thị H1 – đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn:*

Phần đất tranh chấp với bị đơn ông Phạm Văn C1 có nguồn gốc là của cha mẹ bà để lại, cha là Phạm Văn T1(chết năm 1997), mẹ là Huỳnh Thị N1 (chết năm 2019), lúc sinh thời cha mẹ bà có sinh được 10 người con (gồm tất cả nguyên đơn và bị đơn) và có tạo lập được 01 phần đất, tổng diện tích là 477,8m², trong đó ông Phạm Văn C1 quản lý 01 phần có diện tích 220,3m², bà Phạm Thị P quản lý 01 phần có diện tích là 257,5m². Phần đất này từ trước đến nay cha mẹ chưa đi đăng ký quyền sử dụng, khi cha mẹ chết không để lại di chúc, nay các chị em (nguyên đơn) yêu cầu ông Phạm Văn C1 (bị đơn) chia thừa kế phần đất do cha mẹ để lại cho 10 anh em trên diện tích đo đạc 477,8m² (Cả phần bà P quản lý và ông C1 quản lý) mỗi người được hưởng là 47,78m², chia đều mỗi phần ngang 1,5m, sổ song dài từ đường đāl ra sau hậu (đã trừ khu mã của cha mẹ ra). Căn nhà của C1 thì di dời giao đất, còn căn nhà phủ thờ của cha mẹ - bà P đang quản lý thì giữ y, cây cối do cha mẹ trồng nằm trên phần đất ai được chia thì người đó hưởng.

Việc ông C1 cho rằng cha mẹ cho ông C1 phần đất ông C1 đang quản lý là không đúng, cha mẹ chỉ cho ở tạm, bên Phạm Thị P và ông Phạm Văn C1 đều có sửa sang đất để ở, việc ông C1 trình bày là nhà kiên cố là không đúng, vì ông C1 cất nhà gỗ, nóng đá, lợp tôn.

Ý kiến bà Phạm Thị P: bà đang quản lý diện tích 257,5m² thống nhất đưa diện tích mình quản lý vào diện tích chung để chia thừa kế cho các anh em.

- Theo lời trình bày của bị đơn ông Phạm Văn C1; đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của các thành viên trong hộ:

Ông C1 và các nguyên đơn là anh em ruột với nhau, cha chung tên Phạm Văn T 1(chết năm 1997), mẹ chung tên Huỳnh Thị N1 (chết năm 2019), lúc sinh thời thì cha mẹ có sinh được 10 người con như các nguyên đơn trình bày, phần đất ông C1 đang quản lý mà các chị, em yêu cầu ông C1 chia thừa kế có nguồn gốc là của cha, mẹ cho ông C1 cất nhà ở vào năm 1996 với diện tích như hiện nay đo đạc thực tế là 220,3m², sau khi được cha mẹ cho đất thì ông C1 quản lý sử dụng và cất nhà ở cho đến nay, việc cho đất thì cha mẹ chỉ nói miệng không có làm văn bản, ngoài diện tích đất mà ông C1 đang quản lý thì cha mẹ sau khi chết còn để lại diện tích đất là 257,7m² (theo đo đạc thực tế), cấp ranh với phần đất ông C1 quản lý, hiện do người em là bà Phạm Thị P quản lý. Hai diện tích đất này khi cha mẹ chết không có để lại di chúc. Theo ý kiến của ông C1 thì cha mẹ ông sau khi qua đời (chết) có để lại diện tích đất tổng cộng là 477,8m², chia làm 02 phần, ông đang quản lý 220,3m², người em là bà Nguyễn Thị P đang quản lý 257,7m², do cha mẹ chết không để lại di chúc, phần đất ông C1 quản lý sử dụng thì không có chứng cứ cha mẹ cho, nên ông C1 đồng ý diện tích đất này sẽ chia đều cho 10 anh, chị, em, mỗi người được hưởng diện tích là 47,78m² như yêu cầu của các nguyên đơn, nhưng do ông C1 đang quản lý sử dụng diện tích 220,3m² và hơn nữa các chị em thì ai cũng có đất ở và có gia đình riêng của mình, nên ông C1 có ý kiến là được tiếp tục sử dụng phần diện tích đất là 220,3m² thuộc 01 phần thửa đất 32, 33 tờ bản đồ số 12, đất tọa lạc xã T 1, huyện H, tỉnh Đồng Tháp và đồng ý chia giá trị diện tích đất là 172,52m² (đã trừ đi phần đất ông C1, bà P được hưởng mỗi người 47,78m² và đều đang quản lý) cho 08 người chị, em còn lại và ông C1 tự nguyện chia với tổng số tiền là 144.000.000 đồng (tức mỗi người là 18.000.000 đồng).

- Tòa án cấp sơ thẩm tuyên:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của các nguyên đơn Bà Phạm Thị H, sinh năm 1961, Bà Phạm Thị H1, sinh năm 1963, Bà Phạm Thị H3, sinh năm 1964, Bà Phạm Thị P, sinh năm 1964, Bà Phạm Thị T, sinh năm 1971, Anh Phạm Thanh H4, sinh năm 1982, Bà Phạm Thị B, sinh năm 1955, Bà Phạm Thị N, sinh năm 1969, Chị Phạm Thị C, sinh năm 1981 – về việc yêu cầu bị đơn ông Phạm Văn C1, sinh năm 1958 chia thừa kế quyền sử dụng đất.

2. Chấp nhận sự tự nguyện của bị đơn ông Phạm Văn C1 thống nhất chia (trả) giá trị kỷ phần di sản được hưởng cho các nguyên đơn Phạm Thị H 18.000.000 đồng, Bà Phạm Thị H1 18.000.000 đồng, Bà Phạm Thị H3 18.000.000 đồng, Bà Phạm Thị T 18.000.000 đồng, Anh Phạm Thanh H4 18.000.000 đồng, Bà Phạm Thị B 18.000.000 đồng, Bà Phạm Thị N 18.000.000 đồng, Chị Phạm Thị C 18.000.000 đồng. Tổng cộng là 144.000.000 đồng. *(Các giá trị những kỷ phần di sản này được giao cho bà Phạm Thị P nhận quản lý, vì được bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị H1, bà Phạm Thị H3, bà Phạm Thị T, bà Phạm Thị B, anh Phạm Văn Hóa, bà Phạm Thị N, chị Phạm Thị C đều tự nguyện thống nhất cho luôn bà Phạm Thị P để sử dụng làm chi phí trong việc thờ cúng cha mẹ).*

3. Bị đơn ông Phạm Văn C1 tiếp tục sử dụng phần đất được chia di sản thừa kế là 220,3m² thuộc một phần thửa 32, 33 tờ bản đồ số 12, mục đích sử dụng: đất ở, tọa lạc ấp 2, xã T1, huyện H, tỉnh Đồng Tháp và các cây do cụ N1 trồng trên đất (nếu có), theo vị trí sơ đồ đo đạc số TĐ:15-2021 ngày 18/6/2021, trong phạm vi từ mốc M1, M2, M3, M4, M5, M6, M7, M8, M9, M13 trở về M1. Ông Phạm Văn C1 có trách nhiệm đến Cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. *(trên phần đất này hiện có căn nhà của hộ ông Phạm Văn C1)*

(Kèm theo các sơ đồ đo đạc số: TĐ:15-2021 ngày 18/6/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H, tỉnh Đồng Tháp).

4. Nguyên đơn bà Phạm Thị P được tiếp tục sử dụng phần đất di sản thừa kế là 257,5m² thuộc một phần thửa 32, 33 tờ bản đồ số 12, mục đích sử dụng: đất ở, tọa lạc ấp 2, xã T1, huyện H, tỉnh Đồng Tháp và các cây do cụ N1 trồng trên đất (nếu có), theo vị trí sơ đồ đo đạc số: TĐ:15-2021 ngày 18/6/2021, trong phạm vi từ mốc M2, M3, M14, M15, M6, M7, M12, M11, M10 trở về M2 *(trong đó có những kỷ phần di sản thừa kế được hưởng của bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị H1, bà Phạm Thị H3, bà Phạm Thị T, bà Phạm Thị B, anh Phạm Văn H4, bà Phạm Thị N, chị Phạm Thị C đều đã tự nguyện thống nhất cho luôn bà Phạm Thị P để sử dụng làm chi phí cho việc thờ cúng cha mẹ).* Bà Phạm Thị P có trách nhiệm đến Cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. *(trên phần đất này hiện có căn nhà của cụ T1, cụ N1 để lại hiện do bà Phạm Thị P quản lý)*

(Kèm theo các sơ đồ đo đạc số: TĐ:15-2021 ngày 18/6/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H, tỉnh Đồng Tháp).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, về án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo của các đương sự.

- Sau khi xét xử sơ thẩm các nguyên đơn có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; giữ nguyên nội dung kháng cáo;

- Bị đơn ông C1 thống nhất với nội dung quyết định của bản án sơ thẩm;

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn. Giữ nguyên nội dung quyết định bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn đối với bị đơn là ông Phạm Văn C1 nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất phù hợp với quy định tại điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Phần đất các bên đang có tranh chấp tọa lạc tại xã Thường Phước 1, huyện H nên Tòa án huyện H thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về nội dung:

Căn cứ vào yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn về việc không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

- *Về nguồn gốc phần đất tranh chấp:* Được các bên thừa nhận là của Cụ Phạm Văn T1 (chết năm 1997), cụ Huỳnh Thị N1 (chết năm 2019) để lại;

- *Về hàng thừa kế:* lúc sinh thời cụ T1 và cụ N1 có được 10 người con, gồm:

- 1) Phạm Văn C1, sinh năm 1958.
- 2) Bà Phạm Thị H, sinh năm 1961.
- 3) Bà Phạm Thị H1, sinh năm 1963.
- 4) Bà Phạm Thị H3, sinh năm 1964.
- 5) Bà Phạm Thị P, sinh năm 1964.
- 6) Bà Phạm Thị T, sinh năm 1971.
- 7) Anh Phạm Thanh H4, sinh năm 1982.
- 8) Bà Phạm Thị B, sinh năm 1955.
- 9) Bà Phạm Thị N, sinh năm 1969.
- 10) Chị Phạm Thị C, sinh năm 1981

Các bên đương sự đều thừa nhận, ngoài những người thuộc hàng thừa kế nêu trên không còn ai khác thuộc hàng thừa kế của cụ T1 và cụ N1;

- Về di sản thừa kế: tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 477,8m² thuộc thửa đất 32, 33 tờ bản đồ số 12, mục đích sử dụng: đất ở, tọa lạc xã T 1, huyện H, tỉnh Đồng Tháp (đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), hiện do ông Phạm Văn C1 (bị đơn) quản lý 220,3m², bà Nguyễn Thị P (nguyên đơn) quản lý 257,7m². Các nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận đây là di sản do cha mẹ (cụ T1, cụ N1) chết đi để lại và thống nhất chia đều cho 10 người con, mỗi phần là 47,78m².

Các nguyên đơn thì yêu cầu chia đất mỗi người (mỗi phần) ngang 1,5m, sổ song dài từ đường đal ra sau hậu (trừ khu mồ mã của cha mẹ ra). Căn nhà của ông C1 thì di dời giao đất, còn căn nhà phủ thờ bà P đang quản lý thì giữ y, cây cối do cha mẹ trồng nằm trên phần đất ai được chia thì người đó hưởng;

Còn bị đơn là ông C1 thì yêu cầu được giữ nguyên hiện trạng, vì phần đất này cha mẹ ông cho ông từ lúc mới mua đất và ông về ở từ năm 1996 cho đến nay, ông đã tu bổ tôn tạo từ lúc đất ao thành đất ở và ông đã cất nhà ở kiên cố hết phần đất chiều ngang 8,6m từ lúc cha mẹ ông còn sống.

Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ, hiện trạng sử dụng đất và lời trình bày của các đương sự thì có căn cứ để xác định: Cụ T1, cụ N1 chết đi không để lại di chúc, vì vậy những người thừa kế ở hàng thừa kế thứ nhất được chia theo pháp luật đối với phần di sản của cụ T1, cụ N1 để lại. Tuy nhiên xét thấy đối với yêu cầu của các nguyên đơn là chia đất (chia hiện vật) mỗi người (mỗi phần) ngang 1,5m, sổ song dài từ đường đal ra sau hậu là không phù hợp; Bởi vì, diện tích mà các nguyên đơn yêu cầu chia bằng hiện vật có chiều ngang không đảm bảo cho việc sử dụng; Bên cạnh đó, các nguyên đơn đều có nơi ở chỗ khác ổn định, bị đơn là ông C1 thì chỉ có nơi ở này là duy nhất và đã cất nhà, xây hàng rào ở ổn định từ năm 1996 đến nay, do đó việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử giữ nguyên hiện trạng nhà cho ông C1 và ông C1 trả giá trị lại cho các nguyên đơn là phù hợp.

Từ những nhận định và phân tích trên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Xét lời trình bày và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 điều 26, khoản 1 Điều 38, Điều 147, Điều 148, Điều 157, Điều 165; khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 48 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị H; Phạm Thị H1; Phạm Thị H3; Phạm Thị P; Phạm Thị T; Phạm Thanh H4; Phạm Thị B; Phạm Thị N, Phạm Thị C;

2. Giữ nguyên quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 17/2022/DS-ST ngày 29/03/2022 của Tòa án nhân dân huyện H;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của các nguyên đơn Bà Phạm Thị H, sinh năm 1961, Bà Phạm Thị H1, sinh năm 1963, Bà Phạm Thị H3, sinh năm 1964, Bà Phạm Thị P, sinh năm 1964, Bà Phạm Thị T, sinh năm 1971, Anh Phạm Thanh H4, sinh năm 1982, Bà Phạm Thị B, sinh năm 1955, Bà Phạm Thị N, sinh năm 1969, Chị Phạm Thị C, sinh năm 1981, về việc yêu cầu bị đơn ông Phạm Văn C1, sinh năm 1958 chia thừa kế quyền sử dụng đất.

2. Chấp nhận sự tự nguyện của bị đơn ông Phạm Văn C1 thống nhất chia (trả) giá trị kỷ phần di sản được hưởng cho các nguyên đơn cụ thể như sau: Bà Phạm Thị H: 18.000.000 đồng, Bà Phạm Thị H1 18.000.000 đồng, Bà Phạm Thị H3 18.000.000 đồng, Bà Phạm Thị T 18.000.000 đồng, Anh Phạm Thanh H4 18.000.000 đồng, Bà Phạm Thị B 18.000.000 đồng, Bà Phạm Thị N 18.000.000 đồng, Chị Phạm Thị C 18.000.000 đồng. Tổng cộng là 144.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi bốn triệu đồng).

3. Bị đơn ông Phạm Văn C1 tiếp tục sử dụng phần đất được chia di sản thừa kế là 220,3m² thuộc một phần thửa 32, 33 tờ bản đồ số 12, mục đích sử dụng: đất ở, tọa lạc ấp 2, xã Thường Phước 1, huyện H, tỉnh Đồng Tháp và các cây do cụ N1 trồng trên đất (nếu có), theo vị trí sơ đồ đo đạc số TĐ:15-2021 ngày 18/6/2021, trong phạm vi từ mốc M1, M2, M3, M4, M5, M6, M7, M8, M9, M13 trở về M1; *(trên phần đất này hiện có căn nhà của hộ ông Phạm Văn C1).*

Ông Phạm Văn C1 có trách nhiệm đến Cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

(Kèm theo các sơ đồ đo đạc số: TĐ:15-2021 ngày 18/6/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H, tỉnh Đồng Tháp).

4. Nguyên đơn bà Phạm Thị P được tiếp tục sử dụng phần đất di sản thừa kế là 257,5m² thuộc một phần thửa 32, 33 tờ bản đồ số 12, mục đích sử dụng: đất ở, tọa lạc ấp 2, xã Thường Phước 1, huyện H, tỉnh Đồng Tháp và các cây do cụ N1 trồng trên đất (nếu có), theo vị trí sơ đồ đo đạc số: TĐ:15-2021 ngày 18/6/2021, trong phạm vi từ mốc M2, M3, M14, M15, M6, M7, M12, M11, M10 trở về M2 (trong đó có những kỷ phần di sản thừa kế được hưởng của bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị H1, bà Phạm Thị H3, bà Phạm Thị T, bà Phạm Thị B, anh Phạm Văn H4, bà Phạm Thị N, chị Phạm Thị C đều đã tự nguyện thống nhất cho luôn bà Phạm Thị P để sử dụng cho việc thờ cúng cha mẹ). *(trên phần đất này hiện*

có căn nhà của cụ T1, cụ N1 để lại hiện do bà Phạm Thị P quản lý);

Bà Phạm Thị P có trách nhiệm đến Cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

(Kèm theo các sơ đồ đo đạc số: TĐ:15-2021 ngày 18/6/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H, tỉnh Đồng Tháp).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, mà người phải thi hành án chưa thi hành các khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự trên số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành cho đến khi thi hành án xong.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà Phạm Thị B được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm (do thuộc trường hợp người cao tuổi).

- Nguyên đơn bà Phạm Thị H được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm (do thuộc trường hợp người cao tuổi). Hoàn trả lại cho bà Phạm Thị H số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 750.000 đồng tại biên lai thu số: BI/2019/0003135 ngày 29/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn ông Phạm Văn C1 được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm (do thuộc trường hợp người cao tuổi).

- Nguyên đơn bà Phạm Thị P phải chịu 430.000 đồng (trên giá trị đất được chia) và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là: 750.000 đồng tại biên lai thu số: BI/2019/0003134 ngày 30/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Vậy nguyên đơn bà Phạm Thị P được hoàn trả phần tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chênh lệch thừa là 320.000 đồng.

- Nguyên đơn bà Phạm Thị H1 phải chịu 900.000 đồng (trên giá trị tiền được chia) và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là: 750.000 đồng tại biên lai thu số: BI/2019/0003136 ngày 30/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Vậy nguyên đơn bà Phạm Thị H1 còn phải nộp tiếp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng.

- Nguyên đơn bà Phạm Thị H3 phải chịu 900.000 đồng (trên giá trị tiền được chia) và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là: 750.000 đồng tại biên lai thu số: BI/2019/0003137 ngày 30/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Vậy nguyên đơn bà Phạm Thị H3 còn phải nộp tiếp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng.

- Nguyên đơn bà Phạm Thị T phải chịu 900.000 đồng (trên giá trị tiền được chia) và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là: 750.000 đồng tại biên lai thu số: BI/2019/0003138 ngày 30/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Vậy nguyên đơn bà Phạm Thị T còn phải nộp tiếp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng.

- Nguyên đơn anh Phạm Thanh H4 phải chịu 900.000 đồng (trên giá trị

tiền được chia) và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là: 750.000 đồng tại biên lai thu số: BI/2019/0003139 ngày 30/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Vậy nguyên đơn anh Phạm Thanh H4 còn phải nộp tiếp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng.

- Nguyên đơn chị Phạm Thị N phải chịu 900.000 đồng (trên giá trị tiền được chia) và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là: 750.000 đồng tại biên lai thu số: BI/2019/0003140 ngày 30/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Vậy nguyên đơn bà Phạm Thị N còn phải nộp tiếp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng.

- Nguyên đơn bà Phạm Thị C phải chịu 900.000 đồng (trên giá trị tiền được chia) và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là: 750.000 đồng tại biên lai thu số: BI/2019/0003141 ngày 30/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Vậy nguyên đơn bà Phạm Thị C còn phải nộp tiếp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng.

6. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản tranh chấp:

- Các nguyên đơn Bà Phạm Thị H, Bà Phạm Thị H1, Bà Phạm Thị H3, Bà Phạm Thị P, Bà Phạm Thị T, Anh Phạm Thanh H4, Bà Phạm Thị B, Bà Phạm Thị N, Chị Phạm Thị C và bị đơn ông Phạm Văn C1 mỗi người phải chịu 215.500 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản tranh chấp. Các nguyên đơn được trừ vào phần tạm ứng đã nộp tại hóa đơn thu số: 0046655 ngày 11/10/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H, các nguyên đơn đã nộp xong chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản.

- Bị đơn ông Phạm Văn C1 có trách nhiệm hoàn phải trả lại cho các nguyên đơn số tiền là 215.500 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản.

7. Về án phí phúc thẩm:

Bà Phạm Thị B và bà Phạm Thị H được miễn nộp tiền án phí phúc thẩm;

Bà Phạm Thị P; Phạm Thị H1; bà Phạm Thị C; bà Phạm Thị N; Phạm Thanh H4; Phạm Thị H3 và bà Phạm Thị T mỗi người phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm; Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 0003955; 0003956; 0003957; 0003958; 0003959; 0003960; 0003961 cùng ngày 02/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,

7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND H. H;
- Chi cục THADS H. H;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Võ Trinh